

BẢNG SỐ 1

GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG LÚA NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 50 /2011/QĐ-UBND ngày 30/2/2011 của UBND Thành phố Hà Nội)

STT	Tên khu vực	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	- Phạm vi địa giới hành chính phường thuộc các quận nội thành - Các phường thuộc quận Hà Đông: Nguyễn Trãi, Yên Kiêu, Quang Trung, Vạn Phúc, Phúc La, Mộ Lao, Văn Quán, Kiến Hưng, Hà Cầu, La Khê, Phú La	252 000		
2	- Huyện Từ Liêm giới hạn từ địa giới hành chính các quận đến bờ đông (bên tả) sông Nhuệ - Các phường thuộc quận Hà Đông: Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Phú Lãm và diện tích bên tả Sông Đáy của phường Đồng Mai	201 600		
3	- Địa bàn bên hữu sông Nhuệ thuộc huyện Từ Liêm; Khu vực giáp ranh quận nội thành thuộc huyện: Thanh Trì, Gia Lâm - Các phường thuộc quận Hà Đông: Biên Giang và diện tích phần bên hữu Sông Đáy của phường Đồng Mai - Các phường: Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Hoài Đức, Đan Phượng - Các xã Cao Viên, Bích Hoà, Cự Khê của huyện Thanh Oai	162 000		
4	- Địa bàn còn lại huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai, - Toàn bộ các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà	135 000		
5	- Địa bàn còn lại thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai	135 000	105 000	71 000
6	- Toàn bộ huyện Sóc Sơn	108 000	84 000	
7	- Toàn bộ huyện: Mỹ Đức, Ba Vì	108 000	84 000	56 800

BẢNG SỐ 2

GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG CÂY HÀNG NĂM

(Kèm theo Quyết định số: 50 /2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên khu vực	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	- Phạm vi địa giới hành chính phường thuộc các quận nội thành - Các phường thuộc quận Hà Đông: Nguyễn Trãi, Yết Kiêu, Quang Trung, Vạn Phúc, Phúc La, Mộ Lao, Văn Quán, Kiến Hưng, Hà Cầu, La Khê, Phú La	252 000		
2	- Huyện Từ Liêm giới hạn từ địa giới hành chính các quận đến bờ đông (bên tả) sông Nhuệ - Các phường thuộc quận Hà Đông: Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Phú Lãm và diện tích bên tả Sông Đáy của phường Đồng Mai	201 600		
3	- Địa bàn bên hữu sông Nhuệ thuộc huyện Từ Liêm; Khu vực giáp ranh quận nội thành thuộc huyện: Thanh Trì, Gia Lâm - Các phường thuộc quận Hà Đông: Biên Giang và diện tích phần bên hữu Sông Đáy của phường Đồng Mai - Các phường: Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Hoài Đức, Đan Phượng - Các xã Cao Viên, Bích Hoà, Cự Khê của huyện Thanh Oai	162 000		
4	- Địa bàn còn lại huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai, - Toàn bộ các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà	135 000		
5	- Địa bàn còn lại thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai	135 000	105 000	71 000
6	- Toàn bộ huyện Sóc Sơn	108 000	84 000	
7	- Toàn bộ huyện: Mỹ Đức, Ba Vì	108 000	84 000	56 800

BẢNG SỐ 3

GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG CÂY LÂU NĂM

(Kèm theo Quyết định số: 50 /2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên khu vực	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	- Phạm vi địa giới hành chính phường thuộc các quận nội thành - Các phường thuộc quận Hà Đông: Nguyễn Trãi, Yên Kiêu, Quang Trung, Vạn Phúc, Phúc La, Mộ Lao, Văn Quán, Kiến Hưng, Hà Cầu, La Khê, Phú La	252 000		
2	- Huyện Từ Liêm giới hạn từ địa giới hành chính các quận đến bờ đông (bên tả) sông Nhuệ - Các phường thuộc quận Hà Đông: Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Phú Lãm và diện tích bên tả Sông Đáy của phường Đồng Mai	201 600		
3	- Địa bàn bên hữu sông Nhuệ thuộc huyện Từ Liêm; Khu vực giáp ranh quận nội thành thuộc huyện: Thanh Trì, Gia Lâm - Các phường thuộc quận Hà Đông: Biên Giang và diện tích phần bên hữu Sông Đáy của phường Đồng Mai - Các phường: Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Hoài Đức, Đan Phượng - Các xã Cao Viên, Bích Hoà, Cự Khê của huyện Thanh Oai	189 600		
4	- Địa bàn còn lại huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai, - Toàn bộ các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà	158 000		
5	- Địa bàn còn lại thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai	158 000	98 000	68 000
6	- Toàn bộ huyện Sóc Sơn	126 000	78 000	
7	- Toàn bộ huyện: Mỹ Đức, Ba Vì	126 000	78 000	54 400

BẢNG SỐ 4**GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN***(Kèm theo Quyết định số: 50 /2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND Thành phố Hà Nội)*Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên khu vực	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	- Phạm vi địa giới hành chính phường thuộc các quận nội thành - Các phường thuộc quận Hà Đông: Nguyễn Trãi, Yên Kiêu, Quang Trung, Vạn Phúc, Phúc La, Mộ Lao, Văn Quán, Kiến Hưng, Hà Cầu, La Khê, Phú La	252 000		
2	- Huyện Từ Liêm giới hạn từ địa giới hành chính các quận đến bờ đông (bên tả) sông Nhuệ - Các phường thuộc quận Hà Đông: Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Phú Lãm và diện tích bên tả sông Đáy của phường Đồng Mai.	201 600		
3	- Địa bàn bên hữu sông Nhuệ thuộc huyện Từ Liêm; Khu vực giáp ranh quận nội thành thuộc huyện Thanh Trì, huyện Gia Lâm - Các phường thuộc quận Hà Đông: Biên Giang và diện tích phần bên hữu Sông Đáy của phường Đồng Mai - Các phường: Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Hoài Đức, Đan Phượng - Các xã Cao Viên, Bích Hoà, Cự Khê của huyện Thanh Oai	162 000		
4	- Địa bàn còn lại của huyện Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai - Toàn bộ các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hoà	135 000		
5	- Địa bàn còn lại thuộc thị xã Sơn Tây - Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai.	135 000	84 000	43 200
6	- Toàn bộ huyện Sóc Sơn	108 000	84 000	
7	- Toàn bộ huyện: Mỹ Đức, Ba Vì	108 000	84 000	36 000

BẢNG SỐ 5**GIÁ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG SẢN XUẤT***(Kèm theo Quyết định số: /2011/QĐ-UBND ngày /2011 của UBND Thành phố Hà Nội)*Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên khu vực	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	- Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mê Linh và thị xã Sơn Tây.	60 000	45 600	36 000
2	- Toàn bộ huyện: Sóc Sơn, Mỹ Đức, Ba Vì	48 000	38 000	30 000